

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MA
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2022/HNGD-ST
Ngày 23 tháng 9 năm 2022
“V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MA, TỈNH ĐIỆN BIÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông: Hoàng Văn Tiến

2. Bà: Nguyễn Thuý Hà

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Mai Hồng Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện MA, tỉnh Điện Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện MA tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Minh Thu – Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện MA, tỉnh Điện Biên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 75/2022/TLST-HN&GD ngày 03 tháng 6 năm 2022 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2022; Thông báo số: 02/TB-TA ngày 22/8/2022 về việc thay đổi ngày xét xử vụ án; Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 07 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị L**, sinh năm 1999

Nơi ĐKNKTT: Bản N, xã ML, huyện MA, tỉnh Điện Biên

Nơi cư trú: Bản B, xã CD, huyện TG, tỉnh Điện Biên. (*Có mặt*).

Bị đơn: Anh **Quàng Văn Q**, sinh năm 1989

Nơi cư trú: Bản N, xã ML, huyện MA, tỉnh Điện Biên (*Vắng mặt không có lý do*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn Xin ly hôn đề ngày 09/5/2022; tại bản tự khai ngày 13/5/2022 nguyên đơn chị Phạm Thị L trình bày:

* **Về hôn nhân:** Tôi (L) và anh Quàng Văn Q tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương và chuyển về sống chung với nhau từ cuối năm 2017, đến ngày 14/5/2018 làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã ML, huyện MA, tỉnh Điện Biên. Trước khi kết hôn hai bên tự tìm hiểu, tự nguyện yêu nhau, quá trình tìm hiểu không có sự tác động của bên ngoài. Sau khi cưới, tôi và anh Q sống tại bản N, xã ML, huyện MA. Cuộc sống chung của vợ chồng tôi hoà thuận, đầm ấm, hạnh phúc được khoảng 03 năm thì phát sinh rất nhiều mâu thuẫn do tính cách của

tôi và anh Q quá khác nhau. Tôi phát hiện anh Q nghiện chất ma túy, không quan tâm chăm lo cho gia đình. Tôi và hai bên gia đình nội, ngoại đã nhiều lần khuyên anh Q từ bỏ chất ma túy nhưng anh Q vẫn không từ bỏ nên vợ chồng tôi thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã. Do mâu thuẫn kéo dài nên từ tháng 04 năm 2021 tôi đã chuyển về cùng sống với bố mẹ đẻ tại bản B, xã CD, huyện TG và chúng tôi ly thân từ đó đến nay. Nay tôi xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, tôi đề nghị Tòa án nhân dân huyện MA giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Quảng Văn Q.

*** Về con chung:** Trong quá trình chung sống tôi và anh Quảng Văn Q có 01 người con chung là cháu Quảng Thị Khánh L, sinh ngày 11/4/2018. Hiện cháu đang ở cùng với tôi tại bản B, xã CD, huyện TG, tỉnh Điện Biên. Nguyên vọng của tôi về việc giải Q con chung là sau khi ly hôn tôi được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu L cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chung, tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung phải trả, nợ chung thu về:** Tôi và anh Q không có.

*** Bị đơn:** Anh Quảng Văn Q mặc dù được Tòa án triệu tập nhiều lần và đúng quy định của pháp luật nhưng anh Q vẫn vắng mặt.

*** Trong quá trình giải Q vụ án:** Tòa án đã tiến hành xác minh nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của anh Quảng Văn Q; xác minh nguyên nhân của việc phát sinh mâu thuẫn của chị L và anh Q và xác minh điều kiện kinh tế của chị Phạm Thị L.

Trong quá trình thụ lý giải quyết chị L có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải.

*** Quan điểm của đại diện VKSND huyện MA:** Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý đến giai đoạn chuẩn bị xét xử vụ án, xác định quan hệ pháp luật, tư cách người tham gia tố tụng, thời hạn chuẩn bị xét xử, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ cho VKS nghiên cứu, tổng đạt các văn bản tố tụng.

Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, thủ tục phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa theo quy định tại các Điều 227, 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện MA, tỉnh Điện Biên đề nghị Hội đồng xét xử:

- **Về hôn nhân:** Tuyên bố chị Phạm Thị L được ly hôn anh Quảng Văn Q.

- **Con chung:** Giao cháu Quảng Thị Khánh L, sinh ngày 11/4/2018 cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con chung.

- **Tài sản chung, nợ phải trả, nợ lấy về:** Không có.

- **Án phí:** Chị L phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự, **ý kiến của đại diện VKSND huyện MA** Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện MA, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Ngày 03/6/2022, Tòa án nhân dân huyện MA, tỉnh Điện Biên thụ lý vụ án về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”. Tòa án ra Thông báo thụ lý vụ án và tổng đạt cho bị đơn là anh Quảng Văn Q, anh Q vắng nhà, Tòa án đã tiến hành niêm yết theo quy định của pháp luật. Hết thời hạn 15 ngày Bị đơn không có ý kiến gì.

Tòa án ra thông báo về Phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đã tiến hành tổng đạt theo quy định của pháp luật nhưng bị đơn không có mặt tại phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Ngày 20/7/2022 chị Phạm Thị L có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải. Căn cứ khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án không tiến hành hòa giải được lần 2.

Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, tổng đạt hợp lệ Quyết định theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa ngày 07/9/2022, Nguyên đơn là chị Phạm Thị L có mặt, bị đơn là anh Quảng Văn Q vắng mặt không có lý do lần thứ nhất, căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử Quyết định hoãn phiên tòa và ấn định thời gian xét xử lại vào ngày 23/9/2022.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, Nguyên đơn là chị Phạm Thị L có mặt; Bị đơn là anh Quảng Văn Q vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử Quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh Q.

[2] Nội dung vụ án:

* **Về hôn nhân:** Theo đơn Xin ly hôn đề ngày 03/6/2022; tại bản tự khai ngày 10/6/2022 của nguyên đơn là chị Phạm Thị L và lời trình bày của chị Phạm Thị L tại phiên tòa và các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ. Hội đồng xét xử xét thấy: Chị L và anh Q lấy nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 14/5/2018 tại UBND xã ML, huyện MA, tỉnh Điện Biên. Trong quá trình chung sống chị L và anh Q chung sống đầm ấm, hạnh phúc được khoảng 03 năm thì phát sinh rất nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, sau đó chị L phát hiện anh Q nghiện chất ma túy, không quan tâm chăm lo cho gia đình. Mặc dù mâu thuẫn của vợ chồng anh chị đã được hai bên gia đình hoà giải, khuyên can nhiều lần nhưng cuộc sống chung của vợ chồng không được cải thiện mà ngày càng lâm vào tình trạng trầm trọng, từ tháng 04/2021 chị L đã chuyển về cùng sống với bố mẹ đẻ tại bản B, xã CD, huyện TG. Xét thấy, vợ chồng anh chị đã

sống ly thân, không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, ai biết bốn phận của người đó, điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh Q đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 điều 51 và khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thị L. Tuyên xử cho chị Phạm Thị L được ly hôn với anh Quàng Văn Q.

*** Về con chung:** Chị Phạm Thị L và anh Quàng Văn Q có 01 người con chung là cháu Quàng Thị Khánh L, sinh ngày 11/4/2018.

Chị L có nguyện vọng sau khi ly hôn, chị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Lan đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay cháu Quàng Thị Khánh L đang sống cùng mẹ từ khi vợ chồng chị L, anh Q sống ly thân, cháu vẫn còn nhỏ nên để không gây xáo trộn về tâm lý đồng thời đảm bảo cho sự phát triển về tinh thần cũng như quyền lợi về mọi mặt của cháu, cần tiếp tục giao cháu cho chị L trực tiếp chăm nom, chăm sóc, giáo dục cháu Lan đến khi cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận nguyện vọng của chị L về việc giao nuôi con chung cũng như vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung.

*** Tài sản chung; tài sản riêng; nợ phải trả; nợ thu về:** Không có, Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị Q số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án: chị L phải chịu 300.000đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của BLTTDS.

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Q số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị L: Chị Phạm Thị L được ly hôn anh Quàng Văn Q.

2. Về con chung: Giao cháu Quàng Thị Khánh L, sinh ngày 11/4/2018 cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Nghĩa vụ về cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Q có quyền đi lại, thăm nom con chung, không ai được cản trở quyền này. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên; người thân thích; Cơ quan quản lý Nhà nước về gia đình; Cơ quan quản lý Nhà nước về trẻ em; Hội liên hiệp phụ nữ thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung phải trả, nợ chung lấy về: Không có.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị L **phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch. Được khấu trừ theo biên lai thu tạm ứng án phí theo biên lai số: 0009285 ngày 03/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện MA, tỉnh Điện Biên** chị L đã nộp đủ.

5. Án xử công khai sơ thẩm, kết thúc cùng ngày. Chị Phạm Thị L được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tuyên án; anh Quảng Văn Q được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú của người vắng mặt.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự; người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện MA;
- Chi cục THADS huyện MA;
- **UBND xã ML, h.MA;**
- Đường sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Vân